

BỘ Y TẾ  
CỤC AN TOÀN THỰC PHẨM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



Hà Nội, ngày 17 tháng 10 năm 2024

**GIẤY TIẾP NHẬN ĐĂNG KÝ BẢN CÔNG BỐ SẢN PHẨM**

Số: 6670 /2024/ĐKSP

Cục An toàn thực phẩm xác nhận đã nhận Bản công bố sản phẩm của:

Tổ chức cá nhân: CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KINH DOANH VÀ THƯƠNG  
MẠI DỊCH VỤ TĂNG TRƯỞNG MỚI

Địa chỉ: Số 26 Đường số 11 Khu dân cư Nguyên Sơn, Xã Bình Hưng, Huyện  
Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: 0905299566 Fax:

Email: pquocquan@gmail.com

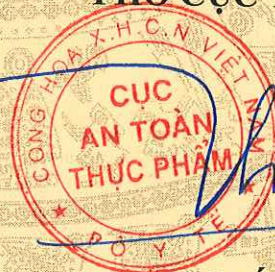
Cho sản phẩm: Thực phẩm bảo vệ sức khỏe SHINKA - CHOLESTEROL OFF  
do Main Plant of POWERFUL HEALTH FOOD Co., LTD, địa chỉ: 215-1  
Hiraoka, Shinano-machi, Kamiminouchi-gun, Nagano-prefecture, Japan sản  
xuất, phù hợp tiêu chuẩn nhà sản xuất số SHINKA-001, ban hành ngày 09 ngày  
01 năm 2023, cập nhật ngày 19 tháng 07 năm 2024.

Doanh nghiệp phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính phù hợp của sản phẩm  
đã công bố./.

**Nơi nhận:**

- Tổ chức, cá nhân;
- Lưu trữ.

**KT. CỤC TRƯỞNG  
PHÓ CỤC TRƯỞNG**



**Chu Quốc Thịnh**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 1/2024/0315368710-DKCB



I. Thông tin về tổ chức, cá nhân công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KINH DOANH VÀ THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TẦNG TRÙNG MỚI

Địa chỉ: Số 26 Đường số 11 Khu dân cư Nguyễn Sơn, Xã Bình Hưng, Huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: 0905299566 Fax:

E-mail: pquocquan@gmail.com

Mã số doanh nghiệp: 0315368710

Số giấy chứng nhận GMP:

Ngày hết hiệu lực/Nơi cấp: /

TRƯỞNG PHÒNG  
Lê Mạnh Hùng  
ĐÃ PHÂN CÔNG

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: Thực phẩm bảo vệ sức khỏe SHINKA – CHOLESTEROL OFF

2. Thành phần: Trong 1 viên nén chứa:

Cao khô Giảo cổ lam (Gynostemma pentaphyllum) (lá và nụ) 30 mg được chiết xuất từ 300 mg lá và nụ Giảo cổ lam thô

Cao khô hỗn hợp cám gạo và sữa đậu nành lên men bởi vi khuẩn Bacillus subtilis var. Natto 25 mg

Cao khô cánh hoa hồng (Rose petals) 25 mg được chiết xuất từ 250 mg cánh hoa hồng thô

Cao khô hạt xoài Châu Phi (African Mango) 3 mg được chiết xuất từ 30 mg hạt xoài Châu Phi thô

Bột hoa Atisô (Helianthus tuberosus) 3 mg (tỷ lệ bột:thảo mộc thô 1:1)

Quercetin 1 mg

Cao khô củ Gừng đen (Kaempferia parviflora) 0,25 mg được chiết xuất từ 2,5mg củ Gừng đen thô

Phụ liệu: Chất chống đông vón (Cellulose vi tinh thể, Silicon dioxyd, Calci stearat), chất làm dày (cyclodextrin, dextrin)

3. Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu tạo nên công dụng của sản phẩm:

| Stt | Thành phần  | Đơn vị    | Mức công bố |
|-----|---|-----------|-------------|
| 1.  | Giảo cổ lam   | Định tính | Dương tính  |
| 2.  | Cao khô hỗn hợp cám gạo và sữa đậu nành lên men bởi vi khuẩn Bacillus subtilis var. Natto * | mg/viên   | 25 ±10%     |
| 3.  | Bột hoa Atisô *   | mg/viên   | 3 ±10%      |
| 4.  | Quercetin*  | mg/viên   | 1 ±10%      |
| 5.  | Cao khô củ Gừng đen*  | mg/viên   | 0,25 ±10%   |

6. \* Định lượng theo nguyên liệu đầu vào

**4. Thời hạn sử dụng sản phẩm:** 36 tháng kể từ ngày sản xuất. Ngày hết hạn xem trên bao bì sản phẩm.

**5. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:**

- Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đựng trong lọ thủy tinh, hộp giấy. Bao bì đảm bảo đủ điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y Tế.

- Khối lượng tịnh: 15 g (250mg x 60 viên)

- Khối lượng viên: 250 mg  $\pm$ 7,5%

- Dạng bào chế: Viên nén

**6. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:**

**Main Plant of POWERFUL HEALTH FOOD Co., LTD**

**Địa chỉ:** 215-1 Hiraoka, Shinano-machi, Kamiminouchi-gun, Nagano-prefecture, Nhật Bản

**III. Mẫu nhãn sản phẩm** (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)

**IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm**

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu an toàn thực phẩm theo:

Tiêu chuẩn nhà sản xuất số SHINKA -001, ban hành ngày 09 tháng 01 năm 2023, cập nhật ngày 19 tháng 07 năm 2024

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố và chỉ đưa sản phẩm vào sản xuất, kinh doanh khi đã được cấp giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm./.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 10 năm 2024

**CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KINH DOANH VÀ THƯƠNG**

**MẠI DỊCH VỤ TĂNG TRƯỞNG MỚI**



**PHẠM QUỐC QUÂN**



**【商品名】SHINKA - CHOLESTEROL OFF**

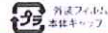
【栄養成分表示】1日2粒 (0.5g) あたり

|       |          |                |
|-------|----------|----------------|
| エネルギー | 1.91kcal |                |
| たんぱく質 | 0.012g   | 脂質 0.009g      |
| 炭水化物  | 0.446g   | 食塩相当量 0.00025g |

【お召し上がり方】1日2粒を目安に、水又はお湯でお召し上がりください。

**【ご使用上の注意】**

- 誤飲防止のため、乳幼児の手の届かない場所へ保管してください。●原材料をご参照の上、食物アレルギーのある方は、お召し上がりにならないでください。●体質や体調によりまれに合わない場合があります。その場合は摂取を中止してください。●薬を服用中あるいは通院中の方は医師にご相談ください。●自然原料を使用しているため、製造ロットにより色が変化することがありますが品質には問題ありません。●食生活は、主食、主菜、副菜を基本に、食事のバランスを。



SHINKA

血中のコレステロールを下げる

内容量 15g (250mg×60粒)

**CHOLESTEROL OFF**

摂取量 2粒/日

**アマチャツル**

2錠中に含まれる成分の目安:アマチャツルエキス末60mg、米ぬか納豆菌、ダイズエキス50mg、バラの花びらエキス50mg、アフリカマンゴーエキス6mg、菊芋6mg、ケルセチン2mg、ブラックジンジャーエキス0.5mg。

MADE IN JAPAN

**【商品名】SHINKA - CHOLESTEROL OFF**

【名称】アマチャツル含有加工食品

**【原材料名】**

アマチャツル末、バラ花びら、米ぬか大豆エキス納豆菌発酵物、アフリカマンゴノキ、菊芋、ケルセチン、ブラックジンジャー抽出物、セルロース、微粒酸化ケイ素、ステアリン酸カルシウム、シクロデキストリン、デキストリン。

【内容量】15g (250mg×60粒)

【賞味期限】枠外下部に記載

【保存方法】高温多湿及び直射日光を避け、冷蔵所に保存してください。

【販売者】NORINO, Inc.

16-1-36-602 Kita1-jo, nishi Chuo-ku, Sapporo-shi, Hokkaido 060-0001 Japan.

**お問い合わせ先**

お客様相談室  
(8:00~17:00土・日を除く)  
ペトナム専売品

【製造所】Main Plant of POWERFUL HEALTH FOOD Co., LTD  
215-1 Hiraoka, Shinano-machi, Kamiminochi-gun, Nagano-prefecture, Japan.

【ウェブサイト】<https://www.pawafuru.co.jp>



**【商品名】SHINKA - CHOLESTEROL OFF**

【栄養成分表示】1日2粒 (0.5g) あたり

|       |          |                |
|-------|----------|----------------|
| エネルギー | 1.91Kcal |                |
| たんぱく質 | 0.012g   | 脂質 0.009g      |
| 炭水化物  | 0.446g   | 食塩相当量 0.00025g |

【お召し上がり方】1日2粒を目安に、水又はお湯でお召し上がりください。

**【ご使用上の注意】**

- 誤飲防止のため、乳幼児の手の届かない場所へ保管してください。●原材料をご参照の上、食物アレルギーのある方は、お召し上がりにならないでください。●体質や体調によりまれに合わない場合があります。その場合は摂取を中止してください。●薬を服用中あるいは通院中の方は医師にご相談ください。●自然原料を使用しているため、製造ロットにより色が変化することがありますが品質には問題ありません。●食生活は、主食、主菜、副菜を基本に、食事のバランスを。



SHINKA

血中のコレステロールを下げる

POWERFUL HEALTH FOOD CO., LTD

内容量 15g (250mg×60粒)

MADE IN JAPAN

SHINKA

血中のコレステロールを下げる

POWERFUL HEALTH FOOD CO., LTD

内容量 15g (250mg×60粒)

MADE IN JAPAN

SHINKA

血中のコレステロールを下げる

POWERFUL HEALTH FOOD CO., LTD

内容量 15g (250mg×60粒)

MADE IN JAPAN

**【商品名】SHINKA - CHOLESTEROL OFF**

【名称】アマチャツル含有加工食品

【原材料名】アマチャツル末、バラ花びら抽出物、米ぬか大豆エキス納豆菌発酵物、アフリカマンゴノキエキス末、菊芋、ケルセチン、ブラックジンジャー抽出物、セルロース、微粒酸化ケイ素、ステアリン酸カルシウム、シクロデキストリン、デキストリン。

【内容量】15g (250mg×60粒)

【賞味期限】枠外下部に記載

【保存方法】高温多湿及び直射日光を避け、冷蔵所に保存してください。

【販売者】NORINO, Inc.  
16-1-36-602 Kita1-jo, nishi Chuo-ku, Sapporo-shi, Hokkaido 060-0001 Japan.

**お問い合わせ先**  
お客様相談室  
(8:00~17:00土・日を除く)

【製造所】Main Plant of POWERFUL HEALTH FOOD Co., LTD  
215-1 Hiraoka, Shinano-machi, Kamiminochi-gun, Nagano-prefecture, Japan.

【ウェブサイト】<https://www.pawafuru.co.jp>

**PRODUCT SPECIFICATION**

|                     |  |
|---------------------|--|
| Product Name        | <b>SHINKA – CHOLESTEROL OFF</b>  |
| Manufacturer        | Main Plant of POWERFUL HEALTH FOOD Co., LTD<br>215-1 Hiraoka, Shinano-machi, Kamiminochi-gun, Nagano-prefecture, Japan |
| Spec No.            | SHINKA -001  |
| Effective date      | January 9, 2023  |
| Dosage forms        | Tablet   |
| Appearance          | Light Yellow color   |
| Packing             | 7.5g (250mg x 30 Tablets); 15g (250mg x 60 Tablets); 250mg/Tablet $\pm$ 7.5%   |
| Packaging materials | Glass bottle and cap   |
| Storage conditions  | Avoid direct sunlight, high temperature and humidity and store at room temperature                                     |
| Shelf life          | 36 months  |

**1. Ingredients**

| No. | Name  | Per 2 tablets   |
|-----|---|-----------------|
| 1.  | Jiaogulan ( <i>Gynostemma pentaphyllum</i> ) (leaf & bud) extract powder<br><i>Equivalent Jiaogulan</i> | 60 mg<br>600 mg |
| 2.  | Natto bacteria with rice bran, soybean extract  | 50 mg           |
| 3.  | Rose petals Extract<br><i>Equivalent Rose petals</i>  | 50 mg<br>500 mg |
| 4.  | African Mango Seed Extract<br><i>Equivalent African Mango</i>   | 6 mg<br>60 mg   |
| 5.  | <i>Helianthus tuberosus</i> flower powder   | 6 mg            |
| 6.  | Quercetin   | 2 mg            |
| 7.  | Black ginger root ( <i>Kaempferia parviflora</i> ) extract<br><i>Equivalent Black ginger</i>            | 0.5 mg<br>5 mg  |

Other: Microcrystalline Cellulose, Silicon dioxide, Calcium stearate, Cyclodextrin, Dextrin.

**2. Main of quality**

| No. | Name   | Unit         | Requirement               |
|-----|--|--------------|---------------------------|
| 1.  | <i>Gynostemma pentaphyllum</i>   | -            | Identification/Positive * |
| 2.  | Natto bacteria with rice bran, soybean extract<br><i>Quantified by input</i> | mg/2 tablets | 50 $\pm$ 10%              |
| 3.  | Rose petals Extract<br><i>Quantified by input</i>                            | mg/2 tablets | 50 $\pm$ 10%              |
| 4.  | African Mango Seed Extract<br><i>Quantified by input</i>                     | mg/2 tablets | 6 $\pm$ 10%               |
| 5.  | <i>Helianthus tuberosus</i> flower powder<br><i>Quantified by input</i>      | mg/2 tablets | 6 $\pm$ 10%               |

|    |  |              |          |
|----|--|--------------|----------|
| 6. | Quercetin<br><i>Quantified by input</i>  | mg/2 tablets | 2 ±10%   |
| 7. | Black ginger root ( <i>Kaempferia parviflora</i> ) extract<br><i>Quantified by input</i> | mg/2 tablets | 0.5 ±10% |

### 3. Parameters of safety

#### 3.1 Limits of microbiological contaminants

| No. | Name                           | Unit  | Requirement |
|-----|--------------------------------|-------|-------------|
| 1   | Coliforms                      | CFU/g | ≤ 10        |
| 2   | E. coli                        | CFU/g | ≤ 10        |
| 3   | Total Aerobic Microbial counts | CFU/g | ≤ 10000     |
| 4   | Salmonella                     | /25g  | Negative    |

#### 3.2. Limits of heavy metal contamination

| No. | Name    | Unit  | Requirement |
|-----|---------|-------|-------------|
| 1   | Lead    | mg/kg | ≤ 3         |
| 2   | Cadmium | mg/kg | ≤ 1.0       |
| 3   | Mercury | mg/kg | ≤ 0.1       |

Ngày: 04-09-2024

Số chứng thực: 36499... quyền số 01 - SCT/BS

| No. | REVISION HISTORY                        | DATE            |
|-----|---|-----------------|
| 01  | Specification developed for new product | January 9, 2023 |
| 02  | Update main of quality                  | July 19, 2024   |

July 19, 2024

Name of representative:

Title:

*Nguyễn Đức Tuấn*



CÔNG CHỨNG VIÊN

*Nguyễn Đức Tuấn*